

MA TRẬN NỘI DUNG KIỂM TRA MÔN TOÁN KÌ 1- LỚP 2

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TNK Q	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TNK Q	TL	TN KQ	TL
Số và phép tính: cộng, trừ trong phạm vi 100 (không nhớ, có nhớ không quá một lượt); thực hành tính giá trị biểu thức số có dấu hai phép tính; so sánh sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số. Nhận biết được các thành phần của phép cộng, phép trừ - Giải các bài toán có một bước tính về thêm, bớt một số đơn vị; bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị.	Số câu	2			1	2	2			4	3
	Số điểm	1			2	1,5	3,5			3	5
Đại lượng và đo đại lượng: - Nhận biết được về “nặng hơn”, “nhẹ hơn”. Đo và ước lượng độ dài cm. Ngày, tháng, năm. Xem lịch xem đồng hồ(khi kim phút chỉ số 3, số 6). Nhận biết được một ngày	Số câu			2						2	
	Số điểm			1.0						1.0	

có 24 giờ; một giờ có 60 phút. Tính được độ dài đường gấp khúc khi biết độ dài các đoạn. - Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: ki-lô-gam; dung tích: lít											
Yếu tố hình học: Nhận biết được điểm, đoạn thẳng, đường cong, đường gấp khúc, ba điểm thẳng hàng thông qua hình ảnh trực quan. Nhận dạng được hình tứ giác. Thực hiện được việc vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.	Số câu			1	1					1	1
	Số điểm			0.5	0.5					0.5	0.5
Tổng	Số câu	2		3	2	2	2			7	4
	Số điểm	1		1.5	2.5	1,5	3.5			4	6

\

MA TRẬN CÂU HỎI ĐỀ KIỂM TRA MÔN TOÁN KÌ 1- LỚP 2

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN K Q	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL
1. Số học	Số câu	2			1	1	2	1		4	3
	Câu số	C1 C3			C8	C2 C7	C9 C10				
2. Đại lượng và đo đại lượng	Số câu			2						2	
	Câu số			C4 C5							
3. Yếu tố hình học	Số câu			1	1					1	1
	Câu số			C6	C11						
Tổng số câu	Số câu	2		3	2	2	2			7	4

